

**TÒA ÁN NHÂN DÂN Q.HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/DS-ST
Ngày: 10/5/2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Hữu

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Thanh Trà
Ông Phạm Công Lương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lành - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ly Na– Kiểm sát viên.

Ngày 10.5.2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 403/2023/TLST- DS ngày 11 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 403/2024/QĐXXST-DS ngày 11/4/2024 và quyết định hoãn phiên tòa ngày 25/4/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Đ.** Địa chỉ: 198 T, phường L, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lã Thị H, chức danh: Phó Giám đốc Khối xử lý nợ (Theo Giấy ủy quyền số 68/2022/UQ-S ngày 14.01.2022). Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Dương Văn Đ, ông Đặng P, ông Nguyễn Ngọc H. Địa chỉ: 373 N, quận T, thành phố Đ. Ông Đ có mặt.

- Bị đơn: 1. Ông **Nguyễn Tiến D**, sinh năm 1965. Địa chỉ: 79A T, tổ 6, phường T, quận H, thành phố Đ. Vắng mặt.

2. Bà **Đoàn Lê Diệu A**, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Tiến D và bà Đoàn Lê Diệu A có quan hệ vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đ với các Hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi số REF2218700017/HĐHM-TC/CN ngày 08/7/2022. Số tiền vay 1,000,000,000 đồng. Mục đích vay: Vay bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn vay 12 tháng từ ngày 11/7/2022 đến 11/7/2023. Lãi trả hàng tháng, gốc trả cuối kỳ. Lãi suất vay 10,09%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và được áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn. Lãi suất chậm trả đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 10%/năm và được áp dụng với dư nợ lãi chậm trả.

Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi số REF2218800134/HĐHM-TC/CN ngày 08/7/2022. Số tiền vay 500,000,000 đồng. Mục đích vay: Vay tiêu dùng cá nhân. Thời hạn vay 12 tháng từ ngày 11/7/2022 đến 11/7/2023. Lãi trả hàng tháng, gốc trả cuối kỳ. Lãi suất vay 11,69%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và được áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn. Lãi suất chậm trả đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 10%/năm và được áp dụng với dư nợ lãi chậm trả.

Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kèm Hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 21/5/2022. Số tiền vay 25,000,000 đồng đối với ông Nguyễn Tiến D. Quá trình sử dụng thẻ, ông Nguyễn Tiến D đã thực hiện 01 giao dịch với tổng số tiền là 25,000,000 đồng.

Tài sản bảo đảm cho 02 khoản vay tại Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi số REF2218700017/HĐHM-TC/CN và số REF2218800134/HĐHM-TC/CN ngày 08/7/2022 là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số: 138, tờ bản đồ số: 13 bao gồm: Đất ở tại nông thôn 1500 m²; Đất trồng cây lâu năm 1257 m²; Đất nông nghiệp gồm: Thửa số 19, tờ bản đồ 13 là 874 m²; Thửa số 1009 tờ bản đồ 09 là 439,8 m²; Thửa 778, tờ bản đồ 09 diện tích 395 m²; Thửa 1030, tờ bản đồ số 09,

diện tích 476 m²; Thửa 859a, tờ bản đồ số 10, diện tích 320m²; Thửa 984b, tờ bản đồ 09, diện tích 523m²; thửa 901b, tờ bản đồ 09, diện tích 190 m² tại địa chỉ xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q (nay là thôn T, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Q) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số K 073870 do UBND thị xã Đ, tỉnh Q cấp ngày 05/12/1997, đã được đăng ký biến động Quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Tiến D tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đ ngày 06/06/2022. Tài sản này đã được thế chấp tại Ngân hàng Đ theo Hợp đồng thế chấp số REF2218700017/HĐTC-QSDĐ/CN ngày 08/7/2022 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Riêng thẻ tín dụng là khoản vay không có tài sản bảo đảm.

Trong quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng nói trên, ông Nguyễn Tiến D và bà Đoàn Lê Diệu A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông Nguyễn Tiến D và bà Đoàn Lê Diệu A trả nợ nhưng ông D, bà A vẫn không thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Tính đến ngày 09/5/2024, ông Nguyễn Tiến D và bà Đoàn Lê Diệu A đã trả cho ngân hàng số tiền lãi là 44,943,642 đồng trong đó: Hợp đồng số REF2218700017/HĐHM-TC/CN là 26.083.445 đồng, Hợp đồng số REF2218800134/HĐHM là 18.860.197 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi của Hợp đồng số REF2218700017/HĐHM-TC/CN nợ gốc quá hạn là 1,000,000,000 đồng, lãi trong hạn là 20,955,180 đồng, lãi quá hạn là 125,641,234 đồng, lãi chậm trả là 1,851,880 đồng, tổng cộng 1,148,448,294 đồng; Hợp đồng số REF2218800134/HĐHM-TC/CN nợ gốc quá hạn là 500,000,000 đồng, lãi trong hạn là 18.860.117 đồng, lãi quá hạn là 72,782,260 đồng, lãi chậm trả là 1,793,267 đồng. Tổng cộng 593,435,644 đồng.

Ngoài ra, ông Nguyễn Tiến D còn nợ thẻ tín dụng tại ngân hàng với số tiền tính đến ngày 09/5/2024 là 38,625,792 đồng trong đó nợ gốc là 24,989,876 đồng, nợ lãi là 13,635,916 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông D là chủ thẻ chịu trách nhiệm trả nợ.

Tại phiên tòa, ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Tiến D, bà Đoàn Lê Diệu A phải thanh toán số tiền còn nợ tính đến hết ngày 09.5.2024 là 1,741,883,938 đồng trong đó nợ gốc là 1.500.000.000 đồng, nợ lãi là 241.883.938 đồng theo Hợp đồng số REF2218700017/HĐHM-TC/CN, số REF2218800134/HĐHM-TC/CN ngày

08/7/2022 và các khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 10/5/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành, nếu ông Nguyễn Tiến D và bà Đoàn Lê Diệu A không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của 02 khoản vay tại 02 hợp đồng nói trên là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số K 073870 do UBND thị xã Đ, tỉnh Q cấp ngày 05/12/1997, đã được đăng ký biến động Quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Tiến D tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đ ngày 06/06/2022, cụ thể như sau:

Thửa đất số 138, tờ bản đồ số 13, bao gồm: Đất ở tại nông thôn 1500 m²; Đất trồng cây lâu năm 1257 m²;

Đất nông nghiệp gồm: Thửa số 19, tờ bản đồ 13 là 874 m²; Thửa số 1009 tờ bản đồ 09 là 439,8 m²; Thửa 778, tờ bản đồ 09 diện tích 395 m²; Thửa 1030, tờ bản đồ số 09, diện tích 476 m²; Thửa 859a, tờ bản đồ số 10, diện tích 320m²; Thửa 984b, tờ bản đồ 09, diện tích 523m²; thửa 901b, tờ bản đồ 09, diện tích 190 m².

Trường hợp số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đông Nam Á thì ông Nguyễn Tiến Dũng và bà Đoàn Lê Diệu Ái vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho SeABank cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Đối với khoản vay thẻ tín dụng, buộc ông Nguyễn Tiến Dũng thanh toán nợ thẻ tín dụng tại ngân hàng với số tiền tính đến ngày 09/5/2024 là 38,625,792 đồng, trong đó nợ gốc là 25,000,000 đồng, nợ lãi là 13,625,792 đồng theo Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kèm Hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 21/5/2022.

Trong quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh thể hiện ông Nguyễn Tiến D và bà Đoàn Lê Diệu A không có mặt tại địa phương nên tòa án đã thông báo tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng, tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân

sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và không có văn bản trình bày ý kiến là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngân hàng TMCP Đ (viết tắt là nguyên đơn) khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Tiến D và bà Đoàn Lê Diệu A (viết tắt là bị đơn) về tranh chấp hợp đồng tín dụng, các bị đơn có địa chỉ ở nhiều nơi khác nhau trong đó ông Nguyễn Tiến D có hộ khẩu tại quận H, thành phố Đ, nguyên đơn lựa chọn tòa án nơi bị đơn cư trú để giải quyết. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm h khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Do bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú nên tòa án đã thông báo tìm kiếm bị đơn trên phương tiện thông tin đại chúng và ấn định thời gian hòa giải, xét xử nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có văn bản phản hồi. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ông Nguyễn Tiến D, bà Đoàn Lê Diệu A phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi số REF2218700017/HĐHM-TC/CN ngày 08/7/2022, Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi số REF2218800134/HĐHM-TC/CN ngày 08/7/2022 thì thấy:

Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi số REF2218700017/HĐHM-TC/CN, số REF2218800134/HĐHM-TC/CN ngày 08.07.2022 ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông D, bà A thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự và quy định của Luật các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao dịch.

Theo thỏa thuận tại hợp đồng REF2218700017/HĐHM-TC/CN, số tiền bị đơn vay là 1.000.000.000 đồng. Thời hạn vay duy trì hạn mức là 12 tháng tính từ ngày mở hạn mức thấu chi là ngày 11.7.2022. Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh cá nhân. Hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 10,09% được cố định trong suốt thời gian vay vốn. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn: Lãi suất chậm trả: 10%/năm.

Đối với hợp đồng số REF2218800134/HĐHM-TC/CN ngày 08.07.2022, Ngân hàng TMCP Đ giải ngân cho ông D, bà A vay 500.000.000 đồng. Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm ký hợp đồng là 11,69%/năm được cố định trong suốt thời gian vay vốn. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn: Lãi suất chậm trả: 10%/năm. Thời hạn vay duy trì hạn mức là 12 tháng tính từ ngày mở hạn mức thấu chi là ngày 11.7.2022. Ngày trả lãi lần đầu là ngày 15.8.2022 vào ngày 15 hàng tháng.

Tài sản bảo đảm cho 02 khoản vay tại 02 hợp đồng nói trên là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 138, tờ bản đồ số 13, bao gồm: Đất ở tại nông thôn 1500 m², đất trồng cây lâu năm 1257 m²; Đất nông nghiệp gồm: Thửa số 19, tờ bản đồ 13 là 874 m²; Thửa số 1009 tờ bản đồ 09 là 439,8 m²; Thửa 778, tờ bản đồ 09 diện tích 395 m²; Thửa 1030, tờ bản đồ số 09, diện tích 476 m²; Thửa 859a, tờ bản đồ số 10, diện tích 320m²; Thửa 984b, tờ bản đồ 09, diện tích 523m²; thửa 901b, tờ bản đồ 09, diện tích 190 m² tại địa chỉ xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q (nay là thôn T, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Q) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 073870 do UBND thị xã Đ, tỉnh Q cấp ngày 05.12.1997, đã được đăng ký biến động cho ông Nguyễn Tiến D ngày 06.6.2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 09/5/2024, ông Nguyễn Tiến D và bà Đoàn Lê Diệu A đã trả cho ngân hàng số tiền lãi là 44,943,642 đồng trong đó: Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi số REF2218700017/HĐHM-TC/CN

là 26.083.445 đồng, Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi số REF2218800134/HĐHM là 18.860.197 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc và lãi đối với Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi số REF2218700017/HĐHM-TC/CN ngày 08/7/2022 nợ gốc quá hạn là 1,000,000,000 đồng, lãi trong hạn là 20,955,180 đồng, lãi quá hạn là 125,641,234 đồng, lãi chậm trả là 1,851,880 đồng, tổng cộng 1,148,448,294 đồng; Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi số REF2218800134/HĐHM-TC/CN ngày 08/7/2022 nợ gốc quá hạn là 500,000,000 đồng, lãi trong hạn là 18.860.117 đồng, lãi quá hạn là 72,782,260 đồng, lãi chậm trả là 1,793,267 đồng. Tổng cộng 593,435,644 đồng.

Do ông Nguyễn Tiến D và bà Đoàn Lê Diệu A vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Tiến D và bà Đoàn Lê Diệu A phải trả nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 09.5.2024 tổng cộng của hai hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi số REF2218700017/HĐHM-TC/CN, số REF2218800134/HĐHM-TC/CN ngày 08.7.2022 là 1,741,883,938 đồng trong đó nợ gốc là 1.500.000.000 đồng, nợ lãi là 241.883.938 đồng và các khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay đã ký kết nói trên kể từ ngày 10/5/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là có cơ sở. Căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét khoản nợ tại đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng ký kết ngày 21.5.2022 đối với ông Nguyễn Tiến D thì thấy:

Ngày 21/5/2022, ông Nguyễn Tiến D có đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế và đã được Ngân hàng TMCP Đ phát hành cho ông D 01 thẻ SeA-Easy, hạn mức 25.000.000 đồng. Theo nội dung đơn, hình thức bảo đảm không có tài sản bảo đảm. Quá trình sử dụng thẻ ông D đã thực hiện 01 giao dịch với tổng số tiền 25.000.000 đồng, tính đến ngày 09/5/2024 ông D còn nợ là 38,625,792 đồng, trong đó nợ gốc là 24,989,876 đồng, nợ lãi là 13,635,916 đồng.

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn ông Nguyễn Tiến D, bà Đoàn Lê Diệu A cùng có nghĩa vụ trả khoản nợ thẻ tín dụng nói trên. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng ngân hàng cấp thẻ cho ông Nguyễn Tiến D, không cấp cho bà Đoàn Lê Diệu A, do đó trách nhiệm trả nợ thuộc về một mình ông Nguyễn Tiến D nên nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện

buộc ông Nguyễn Tiến D trả toàn bộ số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 09/5/2024 là 38,625,792 đồng, trong đó nợ gốc là 24,989,876 đồng, nợ lãi là 13,635,916 đồng.

Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Để bảo đảm cho khoản vay tại 02 hợp đồng cho vay số REF2218700017/HĐHM-TC/CN, số REF2218800134/HĐHM-TC/CN ngày 08.07.2022 ông D, bà A đã dùng tài sản là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 138, tờ bản đồ số 13, bao gồm: Đất ở tại nông thôn 1500 m², đất trồng cây lâu năm 1257 m²; Đất nông nghiệp gồm: Thửa số 19, tờ bản đồ 13 là 874 m²; Thửa số 1009 tờ bản đồ 09 là 439,8 m²; Thửa 778, tờ bản đồ 09 diện tích 395 m²; Thửa 1030, tờ bản đồ số 09, diện tích 476 m²; Thửa 859a, tờ bản đồ số 10, diện tích 320m²; Thửa 984b, tờ bản đồ 09, diện tích 523m²; thửa 901b, tờ bản đồ 09, diện tích 190 m² tại địa chỉ xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q (nay là thôn T, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Q) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 073870 do UBND thị xã Đ, tỉnh Q cấp ngày 05.12.1997, đã được đăng ký biến động cho ông Nguyễn Tiến D ngày 06.6.2022.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF2218700017/HĐTC-QSDĐ ngày 08.7.2022 có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, được đăng ký giao dịch bảo đảm, đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật. Tại Biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14.4.2024 do tòa án tiến hành thể hiện tài sản không có gì thay đổi so với giấy chứng nhận nhìn từ bên ngoài vào.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ, trong trường hợp ông Nguyễn Tiến D, bà Đoàn Lê Diệu A không thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP Đ đối với khoản nợ tại 02 hợp đồng cho vay số REF2218700017/HĐHM-TC/CN, số REF2218800134/HĐHM-TC/CN ngày 08.7.2022 thì tài sản bảo đảm nói trên sẽ được xử lý theo quy định pháp luật.

[5] Về án phí và các chi phí tố tụng khác:

[5.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Đ theo quy định.

[5.2] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 4.000.000 đồng ông Nguyễn Tiến D, bà Đoàn Lê Diệu A phải chịu. Ngân hàng TMCP Đ đã chi nên buộc ông D, bà A phải hoàn trả 4.000.000 đồng cho Ngân hàng TMCP Đ.

[5.3] Chi phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng ngân hàng TMCP Đ phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; điểm h khoản 1 Điều 40; khoản 2 Điều 180, Điều 227, 228; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: 1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với ông Nguyễn Tiến D, bà Đoàn Lê Diệu A về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; đối với ông Nguyễn Tiến D về việc tranh chấp “Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng”.

Buộc ông Nguyễn Tiến D, bà Đoàn Lê Diệu A phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 09.5.2024 theo hợp đồng tín dụng số REF2218700017/HĐHM-TC/CN, số REF2218800134/HĐHM-TC/CN ngày 08.7.2022 là: 1.741.883.938 đồng trong đó nợ gốc là 1.500.000.000 đồng, nợ lãi là 241.883.938 đồng.

Kể từ ngày 10.5.2024 ông Nguyễn Tiến D, bà Đoàn Lê Diệu A phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP Đ các khoản nợ, lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số REF2218700017/HĐHM-TC/CN, số REF2218800134/HĐHM-TC/CN ngày 08.7.2022 cho đến khi tất toán khoản vay.

Trường hợp ông Nguyễn Tiến D, bà Đoàn Lê Diệu A không trả tiền hoặc trả tiền không đầy đủ đối với Hợp đồng số REF2218700017/HĐHM-TC/CN, số REF2218800134/HĐHM-TC/CN ngày 08.7.2022 thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là Quyền sử

dụng đất tại thửa đất số 138, tờ bản đồ số 13, bao gồm: Đất ở tại nông thôn 1500 m², đất trồng cây lâu năm 1257 m²; Đất nông nghiệp gồm: Thửa số 19, tờ bản đồ 13 là 874 m²; Thửa số 1009 tờ bản đồ 09 là 439,8 m²; Thửa 778, tờ bản đồ 09 diện tích 395 m²; Thửa 1030, tờ bản đồ số 09, diện tích 476 m²; Thửa 859a, tờ bản đồ số 10, diện tích 320m²; Thửa 984b, tờ bản đồ 09, diện tích 523m²; thửa 901b, tờ bản đồ 09, diện tích 190 m² tại địa chỉ xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q (nay là thôn T, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Q) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 073870 do UBND thị xã Đ, tỉnh Q cấp ngày 05.12.1997, đã được đăng ký biến động cho ông Nguyễn Tiến D ngày 06.6.2022.

Buộc ông Nguyễn Tiến D phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ 38,625,792 đồng, trong đó nợ gốc là 24,989,876 đồng, nợ lãi là 13,635,916 đồng theo đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm Hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 21/5/2022. Kể từ ngày 10.5.2024, ông Nguyễn Tiến D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ khoản nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm Hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Tiến D, bà Đoàn Lê Diệu A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 64.256.518 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 29.507.887 đồng theo biên lai thu số 0002649 ngày 23 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 4.000.000 đồng ông Nguyễn Tiến D, bà Đoàn Lê Diệu A phải chịu. Ngân hàng TMCP Đ đã chi nên buộc ông Nguyễn Tiến D, bà Đoàn Lê Diệu A phải hoàn trả 4.000.000 đồng cho Ngân hàng TMCP Đ.

Chi phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng 7.000.000 đồng Ngân hàng TMCP Đ phải chịu.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án

trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- Các đương sự;
- Chi cục THA DS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hữu